

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-PT

Ngày 30 - 12 - 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Thẩm phán: - Ông Lâm Anh Luyện;

- Ông Nguyễn Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 14/2022/TLPT-DS ngày 22/11/2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2022/QĐPT-DS ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn X; địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn H; địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn D; địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 23/12/2022). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Vũ Thị H1, luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phan Thị M; địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn X; địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 10/10/2022). Có mặt.

+ Bà Dương Thị L; Địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn D; địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 23/12/2022). Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hoàng Văn X, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Phan Thị M) trình bày: Vợ chồng ông X, bà M cùng sinh ra và lớn lên ở xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Vào tháng 02 năm 1978 ông bà đi về tuyến II tại huyện C, tỉnh Hà Tuyên, đến năm 1990 ông bà quay trở lại Đ. Năm 1991 vợ chồng ông X, bà M được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ giao đất tại thôn Đ để ở và trồng rừng với diện tích 0,4 ha theo sổ lâm bạ số 02 lập ngày 10/9/1992. Thời điểm đó có hộ ông Hoàng Văn H2, ông Hoàng Văn H và vợ chồng ông X, bà M, mỗi hộ được giao thửa đất bóm mặt đường dài 20 mét. Vị trí thửa đất của vợ chồng ông X, bà M tiếp giáp, liền kề với hộ ông Hoàng Văn H, bà Dương Thị L, không có hộ nào khác tiếp giáp. Sau khi được giao đất, gia đình ông X đã trồng hàng cây sa mộc làm ranh giới quản lý, sử dụng đất. Quá trình quản lý và sử dụng đất, ông H cũng xây bờ rào đá để làm ranh giới, hai bên không có tranh chấp. Năm 2009 hộ gia đình ông X được UBND huyện Đ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 519, tờ bản đồ số 01, diện tích 3568m² cấp ngày 31/12/2009. Đến năm 2018, khi Nhà nước thu hồi đất và thực hiện việc tái định cư, gia đình ông X, bà M cho con trai san ủi đất, phần đất Nhà nước đã giao năm 1991 thì xảy ra tranh chấp với ông Hoàng Văn H, quá trình tìm hiểu, ông X bà M mới phát hiện phần đất đang tranh chấp còn lại chưa được cấp hết theo sổ lâm bạ số 02 của UBND xã Đ cấp ngày 10/9/1992, phần đất cấp thiếu so với sổ lâm bạ số 02 của UBND xã Đ đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng lên cho hộ ông Hoàng Văn H2 (đã chết năm 2018).

Trong quá trình sử dụng đất, khoảng năm 2009, ông X, bà M có biết hộ gia đình ông Hoàng Văn H tiến hành làm cái trái lán tạm lấn chiếm sang đất của gia đình ông để chắt cỏ, củi khô, nhưng nghĩ là anh em họ hàng con chú, con bác trong nhà lại cùng xóm, đất gia đình ông chưa sử dụng đến nên gia đình ông để gia đình ông H sử dụng tạm, sau này dùng đến thì nói gia đình ông H dỡ bỏ.

Năm 2020 gia đình ông X đã khởi kiện vụ án hành chính ra Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Tại Bản án số 05/2020/HC-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Sùng Thị D1 + Hoàng Văn H2. Sau khi bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật, ông X tiến hành lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, khi tiến hành đo đạc, hộ gia đình ông Hoàng Văn H không đồng ý cho cơ quan Nhà nước đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông X.

Nay ông X khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Hoàng Văn H trả lại cho gia đình ông diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 383,8m² tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang và yêu cầu di dời toàn bộ lều lán tạm có diện tích 14,3m² trên đất để trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho gia đình ông X

canh tác sử dụng. Đối với các cây trồng và cây mọc tự nhiên khác trên đất, vợ chồng ông X yêu cầu được quyền khai thác và sử dụng toàn bộ số cây trên.

Tại các biên bản ghi lời khai ngày 24/5/2022, 05/9/2022, 19/9/2022 và quá trình tố tụng bị đơn ông Hoàng Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp vào năm 1991, ông Lù A Q, khi đó ông Q đang làm phó chủ tịch, kiêm xã đội trưởng ủy ban nhân dân xã Đ đại diện Ủy ban giao đất cho các hộ gia đình trong thôn Đ, cùng thời điểm đó ông Q có giao mảnh đất đang tranh chấp cho gia đình ông H. Khoảng 01 - 02 năm sau, ông Lưu Văn V được bầu làm trưởng thôn Đ có ý kiến về việc giao đất và đề nghị giao lại đối với mảnh đất mà ông Q đã giao cho gia đình ông H (lần này thành phần tham gia chỉ có ông V, ông Hoàng Văn L1 và ông Đường Quốc L2 và đại diện hai gia đình Hoàng Văn X và Hoàng Văn H, không có sự tham gia của đại diện chính quyền). Hai lần đầu ông H đồng ý thực hiện giao đất lại, đến khoảng năm 2009 ông không đồng ý giao đất lại nữa vì khi giao đất lại căn cứ vào hàng cây sa mộc nhà ông Hoàng Văn X trồng, không giao đất đúng như hai lần đầu nên khi ông V yêu cầu ông H lấy sổ đỏ để đo đạc lại đất ông H không đồng ý nên bắt đầu xảy ra tranh chấp với ông Hoàng Văn X.

Về ranh giới đất, ông H xác định năm 1991 ông H đã trồng cây sa mộc để làm hàng rào vườn trồng rau nhưng đến khoảng năm 1993, 1994 nhà ông Hoàng Văn X đã tự ý nhổ hàng cây sa mộc mà ông H trồng để trồng lại vào vị trí khác. Do vậy, ranh giới đất hiện tại là chỗ đất sạt thẳng xuống, hiện tại đất sạt còn nguyên.

Về quan điểm, bị đơn ông H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L yêu cầu ông Hoàng Văn X trả lại cho gia đình ông H, bà L diện tích đất đang tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là 383,8m² để gia đình ông bà canh tác, sử dụng.

Ngày 29/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất có tranh chấp tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Kết quả xác định: Diện tích đất tranh chấp có diện tích là 383,8m² (Được xác định bằng các cặp điểm trùng nhau: H1 và X1; H2 và X7; H3 và X6; H4 và X5; H5 và X4; H10 và X3; H9 và X2)

Tài sản, công trình trên đất: Có 20 cây sa mộc có đường kính 10cm đến 15cm; 06 cây sa mộc có đường kính 15cm đến 20cm; 08 cây sa mộc có đường kính 08cm đến 10cm; 09 cây sa mộc có đường kính 10cm đến 15cm; 21 cây sa mộc có đường kính 05cm; 19 cây măng báp bò (gồm 2 khóm) đường kính 05 đến 07 cm; 11 cây chuối (gồm 2 bụi); 02 cây khác đường kính 15 đến 20cm; 04 cây khác đường kính 10 đến 15 cm; 01 con đường bê tông rộng không sử dụng; 01 lều tạm diện tích 14,3m², nền xi-măng, có 6 cột và 12 xà, lợp pơ-lô-xi-măng, xung quanh vách bưng tôn sắt và lưới mắt cáo B40 dùng để ủ nấu rượu.

Tại Bản án số 01/2022/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 100; khoản 1 Điều 166; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157;

Điều 158; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 160, 163, 164, 166, 169, 182, 183, 184 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tranh chấp giữa hai bên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn X.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải trả lại cho gia đình ông Hoàng Văn X diện tích 383,8m² đất có rừng tự nhiên sản xuất tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Công nhận diện tích 383,8m² đất có rừng tự nhiên sản xuất tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang có các mặt tiếp giáp được xác định như sau:

- +Từ điểm X1H1 đến X2H7 đến H3X6 giáp đất của ông Hoàng Văn C;
- +Từ điểm XH3X6 đến H4X5 đến điểm H5X4 giáp hộ ông Hoàng Văn L3;
- +Từ điểm H5X4 đến H10X3 đến H9X2 giáp RSX hộ ông Hoàng Văn H;
- +Từ điểm H9X2 khép về H1X1 giáp đường quốc lộ 4C;

Hiện trạng diện tích 383,8m² đất được xác định bằng các cặp điểm trùng nhau: H1 và X1; H2 và X7; H3 và X6; H4 và X5; H5 và X4; H10 và X3; H9 và X2 thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Văn X (*Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo*).

- Ông Hoàng Văn X có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 383,8m² thuộc thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Hộ ông Hoàng Văn X được quyền sở hữu tài sản gắn với đất gồm: 20 cây sa mộc có đường kính 10 cm đến 15 cm; 06 cây sa mộc có đường kính 15cm đến 20 cm; 08 cây sa mộc có đường kính từ 08-10 cm; 09 cây sa mộc có đường kính 10 cm đến 15 cm; 21 cây sa mộc có đường kính 05 cm; 19 cây măng bát độ (gồm 02 khóm) đường kính 05 đến 07 cm; 11 cây chuối (gồm 02 bụi); 02 cây tạp khác đường kính 15 đến 20 cm là cây mọc tự nhiên. Đây là toàn bộ các cây do gia đình ông X trồng, nay ông X được quyền khai thác và sử dụng số cây trên.

2. Buộc bị đơn hộ ông Hoàng Văn H có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ lều lán tạm có diện tích 14,3 m² trên phần diện tích đất tranh chấp nêu trên.

3. Về án phí: Bị đơn Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ông Hoàng Văn X được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005506, ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm trả lại cho ông Hoàng Văn X số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông X đã nộp là 2.400.000đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02/11/2022, bị đơn là ông Hoàng Văn H có đơn kháng cáo không nhất trí toàn bộ Bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn là không đúng, trái quy định, vi phạm tố tụng và đánh giá chứng cứ không khách quan. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định diện tích đất 383,8m² là của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn ông Hoàng Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Toàn bộ diện tích đất 383,8m² đang tranh chấp tại địa chỉ thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang là của gia đình ông H sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay, đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ đúng theo quy định của pháp luật. Ông H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định diện tích đất 383,8m² là của gia đình ông H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H có ý kiến: Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Đ vi phạm tố tụng; các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ghi thời gian không thống nhất, không đúng thời gian. Xác định tư cách đương sự không đúng, cần xác định bà Phan Thị M là đồng nguyên đơn, xác định bà Dương Thị L là bị đơn trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; chỉ căn cứ vào Bản án số 05/2020/HC-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, căn cứ lời khai của những người làm chứng và Sổ lâm bạ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không khách quan, không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn X, công nhận diện tích 383,8m² đất có rừng tự nhiên sản xuất tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang là của ông X là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Về án phí: Kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Văn H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn X về việc yêu cầu buộc ông Hoàng Văn H trả diện tích đất 383,8m² và yêu cầu ông H di dời toàn bộ lều, lán tạm có diện tích trên đất tranh chấp. Xét thấy:

[3] Về nguồn gốc diện tích đất của nguyên đơn ông Hoàng Văn X: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập thể hiện. Nguồn gốc đất của ông X được UBND xã Đ, huyện Đ giao đất năm 1991, đến ngày 10/2/1992 được cấp sổ lâm bạ với diện tích 0,4ha (có sơ đồ kèm theo). Ngày 31/12/2009 hộ gia đình ông X được UBND huyện Đ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BA 955527, thửa số 519, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.568m² đất có rừng tự nhiên sản xuất. Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Đ cung cấp thể hiện việc cấp đổi GCNQSDĐ cho hộ ông X, cơ quan chuyên môn không thực hiện đo đạc, thẩm tra hiện trạng đất mà căn cứ vào Đơn kê khai xin cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ của ông X năm 2008 (không đề ngày/tháng) để cấp đổi cấp GCNQSDĐ cho ông X. Do đó diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ số BA 955527 đối với thửa số 519, tờ bản đồ số 01 có diện tích 3.568m² là thiếu so với diện tích đất được giao theo sổ lâm bạ số 02 của UBND xã Đ cấp ngày 10/9/1992 và không đúng hiện trạng đất hộ ông X được giao.

[4] Về diện tích đất tranh chấp và ranh giới đất giữa nhà ông X và ông H: Tại sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất đang tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2022 (BL 58 - 60) thể hiện diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn và bị đơn xác định là 383,3m² tại các điểm trùng nhau (Gồm các điểm: H1 và X1; H2 và X7; H3 và X6; H4 và X5; H5 và X4; H10 và X3; H9 và X2). Về ranh giới, nguyên đơn ông X xác định ranh giới đất giữa nhà ông X và ông H có hàng cây sa mộc do ông X trồng từ khi được giao đất. Những người làm chứng ông Lù A Q, ông Lưu Văn V, ông Lù Xuân Q1, ông Đường Quốc L2, ông Hoàng Văn L3, ông Hoàng Văn L2 là những người trực tiếp thực hiện việc giao đất đều xác nhận diện tích 383,8m² đất đang tranh chấp được giao cho ông X và sau khi giao đất ông X đã trồng cây sa mộc làm ranh giới sử dụng đất. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp có diện tích 383,8m² thuộc quyền sử dụng của gia đình ông X và xác định ranh giới đất giữa nhà ông X và ông H được xác định là hàng cây sa mộc do ông X trồng từ năm 1991 là có căn cứ.

[5] Tại Bản án số 05/2020/HC-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã có hiệu lực pháp luật cũng đã nhận định về nguồn gốc đất của

ông Hoàng Văn X: "Năm 1991 được giao đất. Ngày 10/2/1992 được cấp sổ lâm bạ với diện tích 0,4 ha có sơ đồ kèm theo. Ranh giới đất giữa ông X và ông H được xác định bằng hàng cây sa mộc ông X trồng từ năm 1991 đến nay vẫn còn (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2019) của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang); phiếu ý kiến về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp tại thôn Đ giữa ông Hoàng Văn H và ông Hoàng Văn X của UBND thị trấn Đ đối với các ông, bà: Lưu Văn V; Lưu Văn H3; Lò A Q; Hoàng Văn L1; Hoàng Văn L2; Dền Thị L4; Đường Quốc 3; Lục Xuân Q1 đều xác nhận năm 1991 UBND xã Đ có thực hiện việc giao đất cho các hộ dân và sau khi giao đất cho ông X đã trồng cây sa mộc làm ranh giới sử dụng đất...".

[6] Đối với chứng cứ là Bản sao có chứng thực của UBND thị trấn Đ đối với GCNQSDĐ số U111120 ngày 14/6/2004 do UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Sùng Thị D1, Hoàng Văn H2 nộp cho Tòa án để chứng minh quyền sử dụng đất của ông H. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật đã hủy GCNQSDĐ nêu trên. UBND huyện Đ đã có Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận đối với GCNQSDĐ số U 111120 ngày 14/6/2004 do UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Sùng Thị D1, ông Hoàng Văn H2 xóm Đoàn Kết, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Do đó, việc ông H cung cấp GCNQSDĐ nêu trên để chứng minh quyền sử dụng đất là không có căn cứ.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn X về việc cầu buộc ông Hoàng Văn H trả lại diện tích đất 383,8m² và yêu cầu ông H di dời toàn bộ lều, lán tạm có diện tích trên đất tranh chấp là có căn cứ. Đối với các loại cây cối trên diện tích đất tranh chấp cần giao cho ông X tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng là phù hợp.

[8] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử ngày 11/10/2022 vắng mặt Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không đúng quy định. Xét thấy: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án (Thụ lý từ ngày 15/7/2022 đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất là ngày 30/9/2022), bị đơn không thực hiện việc mời hoặc ký hợp đồng thuê luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Sau khi Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa ngày 30/9/2022 với lý do vắng mặt bị đơn ông Hoàng Văn H, đến ngày 06/10/2022 Luật sư Vũ Thị H1 đến Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang làm thủ tục tham gia tố tụng, đồng thời đề nghị sao chụp hồ sơ vụ án. Đã được Tòa án nhân dân huyện Đ trả lời hồ sơ đã chuyển giao cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ do ngày 03/10/2022 hồ sơ có bổ sung tài liệu, chứng cứ nên Luật sư chưa thực hiện được việc sao chụp tài liệu ngay trong ngày 06/10/2022. Tuy nhiên, từ ngày 06/10/2022 đến ngày mở phiên tòa (ngày 11/10/2022) là 05 ngày nhưng Luật sư Vũ Thị H1 không thực hiện việc đề nghị sao chụp tài liệu. Luật sư H1 biết rõ thời gian mở phiên tòa và có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do chưa sao chụp được hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa ngày 11/10/2022 Luật sư H1

vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy đơn xin hoãn phiên tòa của Luật sư không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đã xét xử vắng mặt Luật sư H1. Việc Luật sư H1 không tham gia tố tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hoàng Văn H là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Do đó không có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng.

[9] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ. Về việc xác định tư cách đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Phan Thị M và bà Dương Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn H không có căn cứ, vì vậy không được chấp nhận.

[12] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Hoàng Văn H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.400.000 đồng. Do nguyên đơn là ông X đã nộp tạm ứng trước, vì vậy ông H phải trả số tiền 2.400.000 đồng cho ông X.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 100; khoản 1 Điều 166; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 160, 163, 164, 166, 169, 182, 183, 184 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tranh chấp giữ hai bên:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn X:

- Buộc bị đơn ông Hoàng Văn H phải trả lại cho gia đình ông Hoàng Văn X diện tích 383,8m² đất có rừng tự nhiên sản xuất tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- Công nhận diện tích 383,8m² đất có rừng tự nhiên sản xuất tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang có các mặt tiếp giáp được xác định như sau:

- + Từ điểm X1H1 đến X2H7 đến H3X6 giáp đất của ông Hoàng Văn C;
- + Từ điểm XH3X6 đến H4X5 đến điểm H5X4 giáp hộ ông Hoàng Văn L3;
- + Từ điểm H5X4 đến H10X3 đến H9X2 giáp RSX hộ ông Hoàng Văn H;
- + Từ điểm H9X2 khép về H1X1 giáp đường quốc lộ 4C;

Hiện trạng diện tích 383,8m² đất được xác định bằng các cặp điểm trùng nhau: H1 và X1; H2 và X7; H3 và X6; H4 và X5; H5 và X4; H10 và X3; H9 và X2 thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Văn X.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

- Ông Hoàng Văn X có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 383,8m² thuộc thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Hộ ông Hoàng Văn X được quyền sở hữu tài sản gắn với đất gồm: 20 cây sa mộc có đường kính 10 cm đến 15 cm; 06 cây sa mộc có đường kính 15cm đến 20 cm; 08 cây sa mộc có đường kính từ 08-10 cm; 09 cây sa mộc có đường kính 10 cm đến 15 cm; 21 cây sa mộc có đường kính 05 cm; 19 cây măng bát độ (gồm 02 khóm) đường kính 05 đến 07 cm; 11 cây chuối (gồm 02 bụi); 02 cây tạp khác đường kính 15 đến 20 cm là cây mọc tự nhiên. Đây là toàn bộ các cây do gia đình ông X trồng, nay ông X được quyền khai thác và sử dụng số cây trên.

2. Buộc bị đơn hộ ông Hoàng Văn H có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ lều lán tạm có diện tích 14,3 m² trên phần diện tích đất tranh chấp nêu trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Trả lại cho ông Hoàng Văn X số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005506, ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0005514 ngày 02/11/2022.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm trả lại cho ông Hoàng Văn X số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông X đã nộp là 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định Thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được Thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Hoàng Thị Vân